

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 93/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29/3/2024

*“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Sĩ Quang và bà Nguyễn Thị Bích Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 22/2024/TLST-HNGĐ ngày 10/01/2024, về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1993.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương.
Hiện ở: Nhật Bản. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Xuân L**, sinh năm 1991.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương.
Hiện ở: Nhật Bản. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà **Phạm Thị H**, sinh năm 1971. Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Xuân L tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 27/3/2017. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc tại gia đình chồng. Năm 2019 vợ chồng đều sang Nhật Bản lao động, thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, anh L đã chuyển chỗ ở, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Tháng 11/2023 chị về Việt Nam và xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị và anh L có một con chung là Phạm Trần Hạ V, sinh ngày 22/02/2016, hiện đang ở với bà nội. Để ổn định cuộc sống của con chung, chị đồng ý để anh L nuôi con, trong thời gian anh L không ở Việt Nam chị đồng ý để cháu V sống cùng bà nội là Phạm Thị H. Chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh L mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh L tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Con chung Phạm Trần Hà V có nguyện vọng được ở với bố và bà nội khi bố mẹ ly hôn.

Tại lời khai của bà Phạm Thị H thể hiện: Anh L hiện đang sinh sống tại Nhật Bản, địa chỉ cụ thể thì bà không biết, nhưng anh L thường xuyên liên lạc qua điện thoại với gia đình. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh L biết. Mâu thuẫn giữa chị H và anh L xảy ra ở nước ngoài, hai bên bất đồng quan điểm không tìm được tiếng nói chung. Nay chị H có đơn ly hôn, bà đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật để giải quyết. Sau khi nhận các văn bản tố tụng, bà đã thông báo cho anh L biết. Anh L không gửi văn bản thể hiện quan điểm về việc giải quyết vụ án nhưng có trao đổi với bà qua điện thoại và xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên anh cũng đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh L có nguyện vọng được nuôi con chung Phạm Trần Hạ V, đồng ý với mức cấp dưỡng tiền nuôi con chung của chị H là 2.000.000 đồng/tháng. Do hiện đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài nên anh L đề nghị Tòa án tạm giao con chung Hạ V cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản chung không đề nghị Tòa án giải quyết. Bà H nhất trí với sự ủy

quyền của anh L về việc nuôi con chung trong thời gian anh L không ở Việt Nam, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi các đương sự đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Chị Trần Thị H và anh Phạm Xuân L kết hôn hợp pháp, mâu thuẫn giữa anh L và chị H xảy ra ở nước ngoài, theo gia đình cung cấp thông tin là do vợ chồng không hòa hợp trong cuộc sống. Nay chị H có đơn ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của các đương sự và quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị Trần Thị H, anh Phạm Xuân L và bà Phạm Thị H vắng mặt, có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời giữ nguyên các ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS), bị đơn giấu địa chỉ, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị Trần Thị H ly hôn anh Phạm Xuân L. Về con chung: Giao con chung Phạm Trần Hạ V, sinh ngày 22/02/2016 cho anh L chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh L không ở Việt Nam, tạm giao con chung Phạm Trần Hạ V cho bà Phạm Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng; Chấp nhận sự tự nguyện của chị H cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh L 2.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị H, bị đơn anh Phạm Xuân L đều có địa chỉ trước khi xuất cảnh tại thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương. Hiện chị H, anh L đang sinh sống tại Nhật Bản. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Tài liệu của chị Trần Thị H gồm bản tự khai, đơn đề nghị vắng mặt, giấy ủy quyền đã được chứng công chứng và có văn bản được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã H. Do vậy, có căn

cứ xác định nội dung các văn bản này thể hiện đúng ý chí, nguyện vọng của chị H. Quá trình giải quyết vụ án, chị H và gia đình bà H không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Lở nước ngoài. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Mặt khác, gia đình bà H vẫn thường xuyên liên lạc với anh L nên Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho gia đình để thông báo cho anh L biết việc chị H đề nghị giải quyết ly hôn và các thủ tục tố tụng khác. Gia đình đã nhận các văn bản tố tụng và đã thông báo cho anh L biết.

Anh L ủy quyền cho bà Phạm Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Trần Hạ V trong thời gian anh không ở Việt Nam, nên Tòa án xác định bà H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tại phiên tòa, anh L vắng mặt lần thứ hai, chị H, anh Lãng, bà H có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Phạm Xuân L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 27/3/2017 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị H, anh L trong thời gian sinh sống ở nước ngoài đã bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Anh L không thể hiện quan điểm bằng văn bản nhưng thông qua việc liên lạc với gia đình, anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ hôn nhân không thể hàn gắn được nên cũng đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Thị H và anh Phạm Xuân L đã trầm trọng, vợ chồng không ai quan tâm tới ai, mục đích hôn nhân không đạt được và được chứng minh thông qua lời khai của đại diện gia đình và của các đương sự. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Trần Thị H ly hôn anh Phạm Xuân L là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Phạm Xuân L có 01 con chung là Phạm Trần Hạ V, sinh ngày 22/02/2016. Xét yêu cầu của các đương sự, HĐXX xét thấy: Thực tế chị H và anh L đều ở nước ngoài, cháu V đang sống cùng bà nội và được học tập, chăm sóc tốt. Nên có căn cứ giao con chung cho anh Phạm Xuân L nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh L 2.000.000 đồng/tháng. Trong thời gian anh L không ở Việt Nam tạm giao cháu V cho bà Phạm Thị H chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp

với nguyện vọng của các đương sự, nguyện vọng của con chung và các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Trường hợp chị H có căn cứ cho rằng anh L không đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết phân chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật (nếu có).

[3]. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, án phí cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56, 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Trần Thị H** được ly hôn anh **Phạm Xuân L**.

2. Về con chung: Giao cho anh Phạm Xuân L chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Phạm Trần Hạ V, sinh ngày 22/02/2016. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị H cấp dưỡng cho con với số tiền là 2.000.000 đồng/tháng (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3/2024 cho đến khi con chung thành niên (tròn 18 tuổi).

Không ai được cản trở chị Trần Thị H thực hiện quyền, nghĩa vụ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong thời gian anh Phạm Xuân L không có mặt tại Việt Nam, tạm giao con chung Phạm Trần Hạ V cho bà Phạm Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng.

Kể từ khi anh L có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà chị H không thi hành khoản tiền trên, thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa

thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân và gia đình), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí do bà Phạm Thị H nộp thay, theo biên lai thu số 0000399 ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị Trần Thị H còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị H và anh Phạm Xuân L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Bà Phạm Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã H, huyện T (để ghi sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân